



CÔNG TY TNHH CITIGO

Trụ sở Hà Nội:

Tầng 5, Tòa nhà HTP, 434 Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng

Tel: 04 628 00 488 Fax: 04 628 00 191

Email: sale@citigo.net

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh:

Lầu 6 – Khu B, Tòa nhà WASECO, Số 10 Phở Quang, Phường 2, Q.Tân Bình

Tel: 04 628 00 488 Fax: 04 628 00 191

Email: support@kiotviet.com

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PUBLIC API

Phiên bản: 1.4

Table of Contents

1. GIỚI THIỆU	7
2. CHỨC NĂNG	8
2.1. Authenticate	8
2.2. Lấy thông tin Access Token	9
2.3. Nhóm hàng	10
2.3.1. Lấy danh sách nhóm hàng	10
2.3.2. Lấy chi tiết nhóm hàng	12
2.3.3. Thêm mới nhóm hàng.....	13
2.3.4. Cập nhật nhóm hàng	14
2.3.5. Xóa nhóm hàng	15
2.4. Hàng hóa.....	15
2.4.1. Lấy danh sách hàng hóa	15
2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa	18
2.4.3. Thêm mới hàng hóa.....	21
2.4.4. Cập nhật hàng hóa.....	24
2.4.5. Xóa hàng hóa	26
2.5. Đặt hàng.....	27
2.5.1. Lấy danh sách đặt hàng	27
2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng	31
2.5.3. Thêm mới đặt hàng.....	34
2.5.4. Cập nhật đặt hàng.....	38
2.5.5. Xóa đặt hàng	43
2.6. Khách hàng.....	43
2.6.1. Lấy danh sách khách hàng	43
2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng.....	45
2.6.3. Thêm mới khách hàng.....	46
2.6.4. Cập nhật khách hàng.....	48
2.6.5. Xóa khách hàng	50
2.7. Lấy danh sách chi nhánh.....	50
2.8. Lấy danh sách người dùng	51
2.9. Lấy danh sách tài khoản ngân hàng	53
2.10. Lấy danh sách thu khác	54
2.11. Webhook	55

2.11.1.	Đăng ký Webhook	55
2.11.2.	Hủy đăng ký Webhook	56
2.11.3.	Khách hàng	56
2.11.4.	Hàng hóa	58
2.11.5.	Tồn kho	60
2.11.6.	Đặt hàng	61
2.11.7.	Hóa đơn	62
2.12.	Hóa đơn	65
2.12.1.	Lấy danh sách hóa đơn	66
2.12.2.	Lấy chi tiết hóa đơn	69
2.12.3.	Thêm mới hóa đơn	73
2.12.4.	Cập nhật hóa đơn	76
2.12.5.	Xóa hóa đơn	80
2.13.	Nhóm khách hàng	80
2.13.1.	Lấy danh sách nhóm khách hàng	80

Revision History

Ngày	Version	Nội dung thay đổi
16/02/2017	1.0	Tạo phiên bản đầu tiên
21/06/2017	1.1	<p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2. Chức năng, cập nhật "Authorization": Bearer {Mã Access Token} trong header của các request. - Mục 2.4.3. Thêm mới hàng hóa, trong Request: <ul style="list-style-type: none"> • Xóa "fullName", "categoryName", "basePrice", "weight", "images" • Thêm "masterUnitId", "conversionValue" • Xóa "productId", "productCode", "productName" trong "inventories[]" - Mục 2.4.4. Cập nhật hàng hóa, trong Request: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm "branchId", • Xóa trường "fullName", "categoryName" • Xóa "productId", "productCode", "productName" trong "inventories[]" - Mục 2.5.3. Thêm mới đặt hàng, trong Request: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm "totalPayment", "accountId", "makeInvoice" • Thêm "locationId", "partnerDeliveryId" trong "orderDelivery[]" • Xóa "payments[]" - Mục 2.5.4. Cập nhật đơn đặt hàng, trong Request: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm "totalPayment", "accountId", "makeInvoice" • Xóa "payments[]"
31/07/2017	1.2	<p>Thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thêm Mục 2.12 cung cấp các API cho hóa đơn. <p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.5.1. Lấy danh sách đặt hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số "customerCode", "toDate"

		<ul style="list-style-type: none"> • Thêm "customerCode", "createdDate" trong response <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm "createdDate" trong response - Mục 2.11.6. Đặt hàng và 2.11.7. Hóa đơn <ul style="list-style-type: none"> • Thêm "customerCode"
06/04/2018	1.3	<p>Thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thêm Mục 2.13 cung cấp các API cho nhóm khách hàng. <p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.6.1. Lấy danh sách khách hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số "includeCustomerGroup " trong request • Thêm tham số "groups" trong response - Mục 2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số "groups" trong response - Mục 2.6.3. Thêm mới khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số "groupIds" trong request • Thêm tham số "customerGroupDetails" trong response - Mục 2.6.4. Cập nhật khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm tham số "groupIds" trong request • Thêm tham số "groups" trong response
18/04/2018	1.4	<p>Cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa: <ul style="list-style-type: none"> • Thêm API lấy chi tiết theo Code • Thêm tham số "code" trong request - Mục 2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm API lấy chi tiết theo Code • Thêm tham số "code" trong request - Mục 2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng <ul style="list-style-type: none"> • Thêm API lấy chi tiết theo Code • Thêm tham số "code" trong request

		<ul style="list-style-type: none">- Mục 2.12.1. Lấy danh sách hóa đơn<ul style="list-style-type: none">• Thêm tham số “orderId” trong request- Mục 2.12.2. Lấy chi tiết hóa đơn<ul style="list-style-type: none">• Thêm API lấy chi tiết theo Code• Thêm tham số “code” trong request- Mục 2.11.1. Đăng ký webhook<ul style="list-style-type: none">• Thêm lưu ý “(thêm “?noecho” sau link địa chỉ đăng ký)” trong “Url”
--	--	---

1. GIỚI THIỆU

KiotViet Public API được phát triển để hỗ trợ việc tích hợp và trao đổi dữ liệu giữa KiotViet và các nền tảng website, thương mại điện tử, CRM...

KiotViet Public API cung cấp cơ chế đọc và ghi các đối tượng sau:

- Nhóm hàng: lấy danh sách nhóm hàng hóa với các thông tin về tên nhóm hàng và quan hệ giữa các nhóm hàng **(2.3)**
- Hàng hóa: lấy thông tin sản phẩm, tạo mới, sửa, xóa sản phẩm **(2.4)**
- Đặt hàng: lấy thông tin đơn hàng, tạo đơn hàng, cập nhật và hủy đơn hàng **(2.5)**
- Hóa đơn: lấy thông tin hóa đơn, tạo hóa đơn, cập nhật và hủy hóa đơn **(2.12)**
- Khách hàng: lấy danh sách khách hàng và thao tác trên thông tin khách hàng **(2.6)**
- Các API phụ trợ
 - Danh sách chi nhánh **(2.7)**
 - Danh sách người dùng **(2.8)**
 - Danh sách tài khoản ngân hàng **(2.9)**
 - Danh sách thu khác **(2.10)**
 - Webhook **(2.11)**
 - Hóa đơn **(2.12)**
 - Nhóm khách hàng **(2.13)**

Thiết lập cửa hàng

Thông tin cửa hàng Thiết lập tính năng **Thiết lập Kết nối API**

Tên Kết Nối: Kết nối website

ClientId: e4fe37ab-5d10-4919-bf59-d9a568456d0b

Mã Bảo Mật: 01A3703244752CFF6350A801F900742179C7CCDA
[Generate](#)

Hoạt Động: ☒ Hoạt Động ☐ Ngừng Hoạt Động

[Lưu](#)

Trong trường hợp không thể lấy được thông tin trên vui lòng liên hệ với bộ phận CSKH để được hỗ trợ.

Sau khi có được thông tin ClientId và Mã bảo mật (client_secret). Có thể sử dụng các thư viện theo từng ngôn ngữ để lấy thông tin Access Token, ví dụ:

+ Với C#: <https://www.nuget.org/packages/OAuth2Client/>

+ Với PHP: <https://github.com/theiphleague/oauth2-client>

Thông tin endpoint authenticate như sau:

- Authorization Endpoint: <http://id.kiotviet.vn/connect/authorize>
- Token Endpoint: <http://id.kiotviet.vn/connect/token>

Hoặc có thể call API bên dưới (2.2)

2.2. Lấy thông tin Access Token

Mục đích sử dụng: API lấy thông tin Access Token để truy cập

Phương thức và URL: POST <https://id.kiotviet.vn/connect/token>

Request:

scopes: PublicApi.Access //Phạm vi truy cập (Public API)

grant_type: client_credentials //Thông tin truy cập dạng token

client_id: 83a5bcbe-3c39-458c-bdd9-128112cef3f7 //Client Id

client_secret: 3B52F3A9DDE194966DAE2CE0A478B2DEC15254D6 //Client secret

Header

"Content-Type":"application/x-www-form-urlencoded"

scope

Body:

```
scopes=PublicApi.Access&grant_type=client_credentials&client_id=e4fe37ab-5d10-4919-bf59-d9a568456d0b&client_secret=01A3703244752CFF6350A801F900742179C7CCDA
```

Response:

```
{
  "access_token": "",
  "expires_in": 86400,
  "token_type": "Bearer"
}
```

2.3. Nhóm hàng

Mô tả chi tiết cho các liên quan đến thông tin nhóm hàng hóa như sau:

2.3.1. Lấy danh sách nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Trả về toàn bộ danh mục hàng hóa (nhóm hàng hóa). Danh sách này được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái (a-z). Hệ thống chỉ cho phép nhóm hàng hóa có tối đa 3 cấp, và không cho phép xóa nhóm hàng cha nếu đang có chứa nhóm hàng con và không cho phép xóa nhóm hàng con nếu đang được sử dụng.

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/categories>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int, // lấy dữ liệu từ bản ghi hiện tại, nếu không nhập thì mặc định là 0

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

"hierachicalData": Boolean, // nếu HierachicalData=true thì mình sẽ lấy nhóm hàng theo cấp mà không quan tâm lastModifiedFrom. Ngược lại, HierachicalData=false thì sẽ lấy 1 list nhóm hàng theo lastModifiedFrom nhưng không có phân cấp

Response:

❖ Nếu *hierachicalData* là *true*

```
"total": int,
"pageSize": int,
"data": [
  {
    "categoryId": int, // ID nhóm hàng hóa
    "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha thì có id cụ thể,
    nếu không có danh mục cha, ParentId=null
    "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "hasChild": boolean?, // nhóm hàng có con hay không
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
    "createdDate": datetime
    "children": []
  }],
  "removedIds": int [], // danh sách ID nhóm hàng bị xóa dựa trên Modified
  Date
  "timestamp": datetime
}
```

❖ Nếu *hierachicalData* là *false*

```
"total": int,
```

```
"pageSize": int,
"data": [
  {
    "categoryId": int, // ID nhóm hàng hóa
    "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha thì có id cụ thể,
    // nếu không có danh mục cha, ParentId=null
    "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "hasChild": boolean?, // nhóm hàng có con hay không
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
    "createdDate": datetime
  }],
"removedIds": int [], // danh sách ID nhóm hàng bị xóa dựa trên Modified
Date
"timestamp": datetime
}
```

2.3.2. Lấy chi tiết nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại thông tin chi tiết của nhóm hàng hóa theo ID

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/categories/{id}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của nhóm hàng

Response:

```
"data": {
  "categoryId": int, // ID nhóm hàng hóa
  "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha
  "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa
}
```

```
    "retailerId": int, // Id của hàng

    "hasChild": int?, // Id của hàng

    "modifiedDate": datetime?, // Thời gian cập nhật

    "createdDate": datetime,

    "children": []

}
```

2.3.3. Thêm mới nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Thêm mới một nhóm hàng

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/categories>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object nhóm hàng riêng biệt với những tham số sau:

"categoryName": string // tên nhóm hàng hóa

"parentId": int // nếu nhóm hàng có nhóm hàng cha (hệ thống cho phép tối đa 3 cấp nhóm)

Body

```
{

    "categoryName": string

}
```

Response:

```
{

    "message": "Cập nhật dữ liệu thành công",

    "data": {

        "categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa

        "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha

        "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa (tối đa 125 ký tự)

    }

}
```

```
"retailerId": int, // Id của hàng

"hasChild": boolean?, // Có danh mục con

"modifiedDate": datetime?,

"createdDate": datetime,

"children": []

}

}
```

2.3.4. Cập nhật nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Cập nhật nhóm hàng hóa theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/categories/id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID nhóm hàng qua 1 object JSON.

"id": long // ID nhóm hàng hóa

Body

```
{

    "parentId": int, // Nếu danh mục có danh mục cha

    "categoryName": string // Tên nhóm hàng hóa (tối đa 125 ký tự)

}
```

Response:

```
{

    "message": "Cập nhật dữ liệu thành công",

    "data": {

        "categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa

        "parentId": int, // Nếu danh mục có danh mục cha

        "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa (tối đa 125 ký tự)

    }

}
```

```
"retailerId": int, // Id của hàng
"hasChild": false, // Có danh mục con
"modifiedDate": datetime,
"createdDate": datetime,
"children": []
}
}
```

2.3.5. Xóa nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Xóa nhóm hàng theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/categories/{id}>

Request: Request sẽ bao gồm Id của nhóm hàng trong URL:

“id”: long // ID của nhóm hàng

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
    "message": "Xóa dữ liệu thành công"
}
```

2.4. Hàng hóa

Mô tả chi tiết cho các liên quan đến thông tin hàng hóa như sau:

2.4.1. Lấy danh sách hàng hóa

Mục đích sử dụng: Trả về toàn bộ hàng hóa theo cửa hàng đã được xác nhận (authenticated retailer)

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/products>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"orderBy": string, optional //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (ví dụ: orderBy=Name)

"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật

"pageSize": int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

"currentItem": int, // lấy dữ liệu từ bản ghi currentItem

"includeInventory": Boolean, // có lấy thông tin tồn kho?

"includePricebook": Boolean, // có lấy thông tin bảng giá?

"masterUnitId": long?, //Id hàng hoá đơn vị cần filter

"categoryId": int?, //Id nhóm hàng cần filter

"orderDirection": string, optional

Nếu có "OrderDirection", chọn sắp xếp kết quả về theo:

- ASC (Mặc định)
- DESC

"includeRemoveIds": Boolean //Có lấy thông tin danh sách Id bị xoá dựa trên lastModifiedFrom

Response:

```
"removeId": int [], // Danh sách Id hàng hóa bị xóa dựa trên ModifiedDate
"total": int, // Tổng số hàng hóa
"pageSize": int,
"data": [{
    "id": long, // ID hàng hóa
    "code": string, // Code hàng hóa
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không
    "name": string, // Tên sản phẩm
    "categoryId": int, // Id của nhóm hàng hóa
```



```
"categoryName": string, // Tên của nhóm hàng hóa
"fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính
"description": string, // Mô tả sản phẩm
"hasVariants": Boolean?, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
"attributes": [
    {
        "productId": long, // Id sản phẩm
        "attributeName": string, // tên thuộc tính
        "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
    }
], // danh sách thuộc tính
"unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm,
"masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản (null)
"masterProductId": long?,
"conversionValue": int, // Đơn vị quy đổi
"units": [
    {
        "id": long, // ID sản phẩm
        "code": string, // Mã sản phẩm
        "name": string, // Tên sản phẩm
        "fullName": string, // Tên sản phẩm
        "unit": string, // Đơn vị tính
        "conversionValue": double, // Đơn vị quy đổi
        "basePrice": decimal, // Giá bán của sản phẩm
    }
], // danh sách đơn vị tính
"images": [{"Image": string, // ảnh sản phẩm}],
// Danh sách hình ảnh của hàng hóa
"inventories":
[
    {
```

```
"productId": long, // Id của sản phẩm
"productCode": string, // Mã của sản phẩm
"productName": string, // Tên của sản phẩm
"branchId": int, // Id của chi nhánh
"branchName": string, // Tên của chi nhánh
"onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
"cost": decimal?, // Giá sản phẩm
"reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
}], // danh sách tồn kho trên các chi nhánh
"priceBooks": // bảng giá (mặc định là bảng giá chung)
[
  {
    "priceBookId": long, // ID bảng giá
    "priceBookName": string, // Tên bảng giá
    "productId": long, // ID sản phẩm
    "isActive": Boolean, // Có được sử dụng?
    "startDate": datetime?, // có hiệu lực từ ngày
    "endDate": datetime?, // có hiệu lực đến ngày
    "price": decimal, // Giá bán theo bảng giá
  } // danh sách các bảng giá mà sản phẩm đang được gán
  "basePrice": decimal?, // giá sản phẩm
  "weight": double?, // trọng lượng sản phẩm
  "modifiedDate": datetime // thời gian cập nhật
}
```

2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa

Mục đích sử dụng: Trả lại chi tiết của một sản phẩm cụ thể theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/products/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://public.kiotapi.com/products/code/{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của hàng hóa

"code": string // Mã của hàng hóa

Response:

```
{
  "id": long, // ID hàng hóa
  "code": string, // Code hàng hóa
  "retailerId": int, // Id của hàng
  "allowsSale": Boolean?, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không
  "name": string, // Tên sản phẩm
  "categoryId": int, // Id của nhóm hàng hóa
  "categoryName": string, // Tên của nhóm hàng hóa
  "fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính?
  "description": string, // Mô tả sản phẩm
  "hasVariants": Boolean?, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
  "attributes": [
    {
      "productId": long, // Id thuộc tính
      "attributeName": string, // tên thuộc tính
      "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
    }
  ], // danh sách thuộc tính
  "unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm,
  "masterProductId": long?,
  "masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản (null)
  "conversionValue": int, // Đơn vị quy đổi
}
```

```
"units": [  
    {"id": long, // ID sản phẩm  
     "code": string, // Mã sản phẩm ,  
     "name": string, //Tên sản phẩm  
     "fullName": string, //Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc  
tính  
     "unit": string, // Đơn vị tính  
     "conversionValue": double, // Đơn vị quy đổi  
     "basePrice": decimal, // Giá bán của sản phẩm  
    }], // danh sách đơn vị tính  
"images": string [],// Danh sách hình ảnh của hàng hóa  
"inventories":  
    [{  
        "productId": long, // Id của sản phẩm  
        "productCode": string, // Mã của sản phẩm  
        "productName": string, // Tên của sản phẩm  
        "branchId": long, // Id của chi nhánh  
        "branchName": long, // Tên của chi nhánh  
        "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh  
        "cost": decimal?, // Giá sản phẩm  
        "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh  
    }], // danh sách tồn kho trên các chi nhánh  
"priceBooks": // bảng giá (mặc định là bảng giá chung)  
    [{  
        "priceBookId": long, // ID bảng giá  
        "priceBookName": string, // Tên bảng giá  
        "productId": long// ID sản phẩm  
        "isActive": Boolean, // Có được sử dụng?
```

```
    "startDate": datetime?, // có hiệu lực từ ngày
    "endDate": datetime?, // có hiệu lực đến ngày
    "price": decimal, // Giá bán theo bảng giá
  } // danh sách các bảng giá mà sản phẩm đang được gán
  "basePrice": decimal, // giá sản phẩm
  "weight": double, // trọng lượng sản phẩm
  "modifiedDate": datetime // thời gian cập nhật
}
```

2.4.3. Thêm mới hàng hóa

Mục đích sử dụng: Tạo mới hàng hóa

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/products>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object hàng hóa:

```
{
  "name": string, // Tên hàng hóa
  "code": string, // Mã hàng hóa
  "fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính?
  "categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa
  "allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không
  "description": string, // Mô tả sản phẩm,
  "hasVariants": boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
  "attributes": [{
    "attributeName": string, // tên thuộc tính (Nếu tên thuộc tính
    chưa tồn tại trong hệ thống thì tự động tạo mới thuộc tính)
    "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
  }], // danh sách thuộc tính
  "unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm
}
```

```

"masterProductId": long?, //Id hàng hoá cùng loại
"masterUnitId": long?, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản = NULL
                        Neu la don vi co ban
"conversionValue": double?, // Đơn vị quy đổi =1 neu la
"inventories":
[
    {
        "branchId": long, // Id của chi nhánh
        "branchName": long, // Tên của chi nhánh
        "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
        "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
        "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
    }
], // danh sách tồn kho trên các chi nhánh
"basePrice": decimal?, // giá sản phẩm
"weight": double?, // trọng lượng sản phẩm,
"images": string [], // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
                        + Image: link ảnh của hàng hóa
}

```

Response:

```

{
    "id": int, // ID hàng hóa
    "code": string, // Mã hàng hóa
    "name": string, // Tên hàng hóa
    "fullName": string, //
    "description": string, // Tên hàng hóa
    "images": string [], // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
                        + Image: link ảnh của hàng hóa
}

```

```
"categoryId": int,
"categoryName": string,
"unit": string,
"masterProductId": long?,
"masterUnitId": long,
"conversionValue": int,
"hasVariants": Boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
"attributes": [{
    "productId": long, // Id thuộc tính
    "attributeName": string, // tên thuộc tính
    "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
}] // danh sách thuộc tính

"basePrice": decimal, // Giá bán

"inventories": [
{
    "productId": long, // Id của sản phẩm
    "productCode": string, // Mã của sản phẩm
    "productName": string, // Tên của sản phẩm
    "branchId": long, // Id của chi nhánh
    "branchName": long, // Tên của chi nhánh
    "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
    "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
    "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
}]

"basePrice": decimal, // Giá bán theo bảng giá
```

```
"retailerId": int, // Id của hàng

"modifiedDate": datetime, // Thời gian cập nhật

}
```

2.4.4. Cập nhật hàng hóa

Mục đích sử dụng: Cập nhật hàng hóa theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/products/id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID hàng hóa qua 1 object JSON.

"branchId": int, //Id chi nhánh hiện tại

"id": long // ID hàng hóa

Body

```
{

  "name": string, // Tên hàng hóa

  "code": string, // Mã hàng hóa

  "categoryId": int, // Id nhóm hàng hóa

  "allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không

  "description": string, // Mô tả sản phẩm,

  "hasVariants": boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không

  "attributes": [

    { "attributeName": string, // tên thuộc tính (Nếu tên thuộc tính
      chưa tồn tại trong hệ thống thì tự động tạo mới thuộc tính)

      "attributeValue": string // giá trị thuộc tính

    } ], // danh sách thuộc tính

  "unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm

  "masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản = NULL

  Neu la don vi co ban

}
```



```
"conversionValue": int, // Đơn vị quy đổi =1 neu la
"inventories":
[
    {
        "branchId": long, // Id của chi nhánh
        "branchName": long, // Tên của chi nhánh
        "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
        "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
        "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
    }, // danh sách tồn kho trên các chi nhánh
    "basePrice": decimal, // giá sản phẩm
    "weight": double, // trọng lượng sản phẩm
}
```

Response:

```
{
    "id": int, // ID hàng hóa
    "code": string, // Mã hàng hóa
    "name": string, // Tên hàng hóa
    "fullName": string, //
    "description": string, // Tên hàng hóa
    "images": string [], // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
                        + Image: link ảnh của hàng hóa
    "categoryId": int,
    "categoryName": string,
    "unit": string,
    "masterUnitId": long,
    "conversionValue": int,
```

```
"hasVariants": Boolean, // Sản phẩm có thuộc tính hay không

"attributes": [

    {"attributeName": string, // tên thuộc tính

     "attributeValue": string // giá trị thuộc tính

    }] // danh sách thuộc tính

"basePrice": decimal, // Giá bán

"inventory": [

{

    "productId": long, // Id của sản phẩm

    "productCode": string, // Mã của sản phẩm

    "productName": string, // Tên của sản phẩm

    "branchId": long, // Id của chi nhánh

    "branchName": long, // Tên của chi nhánh

    "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh

    "cost": decimal?, // Giá sản phẩm

    "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh

    }]

"basePrice": decimal, // Giá bán theo bảng giá

"retailerId": int, // Id của hàng

"modifiedDate": datetime, // Thời gian cập nhật

}
```

2.4.5. Xóa hàng hóa

Mục đích sử dụng: Xóa hàng hóa theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/products/{id}>

Request: Gồm Id của hàng hóa trong URL:

“id”: long // ID của hàng hóa

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{  
  
  "message": "Xóa dữ liệu thành công"  
  
}
```

2.5. Đặt hàng

Hiện tại KiotViet hỗ trợ các thiết lập cho tính năng đặt hàng như sau:

- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Cho phép đặt hàng”, các giao dịch liên quan tới đặt hàng sẽ không hiển thị trên Kiotviet nữa. Vì vậy, khi gọi các API liên quan tới phần đặt hàng, nếu thiết lập này đang tắt thì API sẽ trả lại thông báo “Thiết lập “Cho phép đặt hàng” đang không được bật.”.
- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Sử dụng tính năng giao hàng”, các giao dịch sẽ không hiển thị tính năng giao hàng nữa. Vì vậy, khi gọi các API liên quan tới phần giao hàng, nếu thiết lập này đang tắt thì API sẽ trả lại thông báo “Thiết lập “Sử dụng tính năng giao hàng.” đang không được bật”.
- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Không cho phép thay đổi thời gian bán hàng”, khi Post/ Put các API liên quan đến thời gian bán hàng thì API sẽ trả lại thông báo “Thiết lập “Không cho phép thay đổi thời gian bán hàng” đang không được bật.”.

Mô tả chi tiết cho các API hỗ trợ Đặt hàng như sau:

2.5.1. Lấy danh sách đặt hàng

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách đặt hàng theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/orders>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“branchIds”: int[], optional // ID chi nhánh

“customerIds”: long[], optional // Id khách hàng

“customerCode”: string //Mã khách hàng

“status”: int[], optional // Tình trạng đặt hàng

“includePayment”: Boolean, // có lấy thông tin thanh toán

“includeOrderDelivery”: Boolean,

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int,

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“toDate”: datetime? //Thời gian cập nhật cho đến thời điểm toDate

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

“orderDirection”: string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [{
    "id": long //Id đặt hàng
    "code": string //Mã đặt hàng
    "purchaseDate": datetime // Ngày đặt hàng
    "branchId": int, //Id chi nhánh
    "branchName": string, //Tên chi nhánh
    "soldById": long?,
    "soldByName": string
    "customerId": long?, // Id khách hàng
    "customerCode": string, //Mã khách hàng
```

```
"customerName": string, // Tên khách hàng
"total": decimal, // Khách cần trả
"totalPayment": decimal, //Khách đã trả
"discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %
"discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền
"status": int, // trạng thái đơn đặt hàng
"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
"description": string, // ghi chú
"usingCod": boolean,
"payments" :[{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string",
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
    "transDate": datetime,
    "bankAccount": string,
    "accountId": int?
}],
"orderDetails" :{
    "productId": long, // Id hàng hóa
    "productCode": string,
    "productName": string, //Tên hàng hóa
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)
    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
    "price": decimal, //Giá trị
```

```
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm
theo %

        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền

    },
    "orderDelivery":{
        "deliveryCode": string,
        "type": byte?,
        "price": Decimal?,
        "receiver": string,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "locationId": int?,
        "locationName": string,
        "weight": double?,
        "length": double?,
        "width": double?,
        "height": double?,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "partnerDelivery":{
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        }
    }

    "retailerId": int, // Id của hàng
```

```
    "modifiedDate": datetime // thời gian cập nhật
    "createdDate": datetime // thời gian tạo
  }]
}
```

2.5.2. Lấy chi tiết đặt hàng

Mục đích sử dụng: Trả về thông tin chi tiết của đơn đặt hàng theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/orders/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://public.kiotapi.com/orders/code/{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của đơn đặt hàng

"code": code // Mã của đơn đặt hàng

Response:

```
{
  "id": long //Id đặt hàng
  "code": string //Mã đặt hàng
  "purchaseDate": datetime // Ngày đặt hàng
  "branchId": int, //Id chi nhánh
  "branchName": string, //Tên chi nhánh
  "soldById": long?,
  "soldByName": string
  "customerId": long?, // Id khách hàng
  "customerName": string, // Tên khách hàng
  "total": decimal, // Khách cần trả
  "totalPayment": decimal, //Khách đã trả
}
```

```
"discountRatio": double, // Giảm giá trên đơn theo %
"discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền
"status": int, // trạng thái đơn đặt hàng
"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
"description": string, // ghi chú
"usingCod": boolean,
"payments" :[{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string,
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
    "transDate": datetime,
    "bankAccount": string,
    "accountId": int?
}],
"orderDetails" :{
    "productId": long, // Id hàng hóa
    "productCode": string,
    "productName": string, //Tên hàng hóa
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)
    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
    "price": decimal, //Giá trị
    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm
theo %
    "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền
```



```
    },  
    "orderDelivery": {  
        "deliveryCode": string,  
        "type": byte?,  
        "price": Decimal?,  
        "receiver": string,  
        "contactNumber": string,  
        "address": string,  
        "locationId": int?,  
        "locationName": string,  
        "weight": double?,  
        "length": double?,  
        "width": double?,  
        "height": double?,  
        "partnerDeliveryId": long?,  
        "partnerDelivery": {  
            "code": string,  
            "name": string,  
            "address": string,  
            "contactNumber": string,  
            "email": string  
        }  
    }  
    }  
    "retailerId": int, // Id của hàng  
    "modifiedDate": datetime // thời gian cập nhật  
    "createdDate": datetime // thời gian tạo  
}
```

2.5.3. Thêm mới đặt hàng

Mục đích sử dụng: Tạo mới đơn đặt hàng

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/orders>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object đặt hàng:

```
{
  "purchaseDate": datetime,
  "branchId": int,
  "soldById": long?,
  "cashierId": long, Id nhân viên thu ngân,
  "discount": decimal,
  "description": string,
  "method": string,
  "totalPayment": decimal, //khách đã trả
  "accountId": int?, //Id account tài khoản ngân hàng nếu phương thức thanh
toán là TRANSFER, CARD,
  "makeInvoice": bool, // Tạo hóa đơn từ đơn đặt hàng, tạo phiếu thu cho
hóa đơn đó với thời điểm hiện tại
  "orderDetails": [{
    "productId": long,
    "productCode": string,
    "productName": string,
    "quantity": double,
    "price": decimal,
    "discount": decimal?,
    "discountRatio": double?
  }],
  "orderDelivery": {
```

```
    "deliveryCode": string,
    "type": byte?,
    "price": Decimal?,
    "receiver": string,
    "contactNumber": string,
    "address": string,
    "locationId": int?,
    "locationName": string,
    "weight": double,
    "length": double,
    "width": double,
    "height": double,
    "partnerDeliveryId": long?,
    "partnerDelivery": {
        "code": string,
        "name": string,
        "address": string,
        "contactNumber": string,
        "email": string
    }
},
"customer" : {
    "id": long,
    "code": string,
    "name": string,
    "gender": boolean,
    "birthDate": datetime,
```

```
        "contactNumber": string,  
        "address": string,  
        "email": string,  
        "comment": string  
    }  
}
```

Response:

```
{  
    "id": long,  
    "code": string,  
    "purchaseDate": datetime,  
    "branchId": int,  
    "branchName": string,  
    "soldById": long?,  
    "soldByName": string,  
    "customerId": long?,  
    "customerName": string,  
    "total": decimal, // Khách cần trả  
    "totalPayment": decimal, //Khách đã trả  
    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %  
    "discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền  
    "method": string, // Phương thức thanh toán (Cash, Card, Transfer)  
    "status": int, // trạng thái đơn đặt hàng  
    "statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ  
    "description": string, // ghi chú  
    "usingCod": boolean,  
}
```

```
    "orderDetails" :{  
        "productId": long, // Id hàng hóa  
        "productName": string, //Tên hàng hóa  
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)  
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa  
        "price": decimal, //Giá trị  
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm  
theo %  
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo  
tiền  
    },  
    "orderDelivery":{  
        "deliveryCode": string,  
        "type": byte?,  
        "price": Decimal?,  
        "receiver": string,  
        "contactNumber": string,  
        "address": string,  
        "locationId": int?,  
        "locationName": string,  
        "weight": double?,  
        "length": double?,  
        "width": double?,  
        "height": double?,  
        "partnerDeliveryId": long?,  
        "partnerDelivery":{  
            "code": string,  
            "name": string,
```

```
        "address": string,  
        "contactNumber": string,  
        "email": string  
    }  
}  
  
"payments" :[{  
    "id": long,  
    "code": string,  
    "amount": decimal,  
    "method": string,  
    "status": byte?,  
    "statusValue": string,  
    "transDate": datetime,  
    "bankAccount": string,  
    "accountId": int?  
}]  
}
```

2.5.4. Cập nhật đặt hàng

Mục đích sử dụng: Cập nhật đơn đặt hàng theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/orders/Id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID đơn đặt hàng qua 1 object JSON.

"id": long // ID đơn đặt hàng

Body

```
{  
    "purchaseDate": datetime,  
    "branchId": int,
```

```
"soldById": long?,
"cashierId": long?, Id nhân viên thu ngân
"discount": decimal,
"description": string,
"method": string,
"totalPayment": decimal, //Khách đã trả,
"accountId": int?, //Id account tài khoản ngân hàng nếu phương thức thanh
toán là TRANSFER, CARD,
"makeInvoice": bool, // Tạo hóa đơn từ đơn đặt hàng, tạo phiếu thu cho hóa
đơn đó với thời điểm hiện tại
"orderDetails": [{
    "productId": long,
    "productCode": string,
    "productName": string,
    "quantity": double,
    "price": decimal,
    "discount": decimal?,
    "discountRatio": double?
}]
"orderDelivery":{
    "deliveryCode": string,
    "type": byte?,
    "price": Decimal?,
    "receiver": string,
    "contactNumber": string,
    "address": string,
    "locationId": int?,
    "locationName": string,
```

```
        "weight": double?,
        "length": double?,
        "width": double?,
        "height": double?,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "partnerDelivery": {
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        }
    },
    "customer" : {
        "id": long,
        "code": string,
        "name": string,
        "gender": boolean,
        "birthDate": datetime,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "email": string,
        "comment": string
    }
}
```

Response:


```
{

    "id": long,

    "code": string,

    "purchaseDate": datetime,

    "branchId": int,

    "branchName": string,

    "soldById": long?,

    "soldByName": string,

    "customerId": long,

    "customerName": string,

    "total": decimal, // Khách cần trả

    "totalPayment": decimal, //Khách đã trả

    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %

    "discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền

    "method": string, // Phương thức thanh toán (Cash, Card, Transfer)

    "status": int, // trạng thái đơn đặt hàng

    "statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ

    "description": string, // ghi chú

    "usingCod": boolean,

    "orderDetails" :{

        "productId": long, // Id hàng hóa

        "productName": string, //Tên hàng hóa

                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)

        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa

        "price": decimal, //Giá trị

        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm

theo %
```

```
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền
    },
    "orderDelivery":{
        "deliveryCode": string,
        "type": byte?,
        "price": Decimal?,
        "receiver": string,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "locationId": int?,
        "locationName": string,
        "weight": double?,
        "length": double?,
        "width": double?,
        "height": double?,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "partnerDelivery":{
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        }
    },
    "payments" :[{
        "id": long,
        "code": string,
```

```
        "amount": decimal,  
        "method": string",  
        "status": byte?,  
        "statusValue": string,  
        "transDate": datetime,  
        "bankAccount": string,  
        "accountId": int?  
    }]  
}
```

2.5.5. Xóa đặt hàng

Mục đích sử dụng: Xóa đơn đặt hàng theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/orders/{id}>

Request: Gồm Id của đơn đặt hàng trong URL:

"id": long // ID của đơn đặt hàng

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{  
    "message": "Xóa dữ liệu thành công"  
}
```

2.6. Khách hàng

Mô tả chi tiết cho các liên quan đến thông tin hàng hóa như sau:

2.6.1. Lấy danh sách khách hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại danh sách khách hàng theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/customers>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“code”: string, optional // nếu có mã code, cho phép tìm kiếm khách hàng theo mã KH

“name”: string, optional // tìm kiếm theo tên khách hàng

“contactNumber”: string, optional // tìm kiếm theo số điện thoại khách hàng

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int?,

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

“orderDirection”: string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

“includeRemovelds”: boolean, //Có lấy thông tin danh sách Id bị xóa dựa trên lastModifiedFrom

“includeTotal”: boolean, //Có lấy thông tin TotalInvoice, TotalPoint, TotalRevenue

“includeCustomerGroup”: boolean, //Có lấy thông tin nhóm khách hàng hay không

“groupId”: int, //filter theo nhóm khách hàng

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [
    {
      "id": long, // ID khách hàng
      "code": string, // Mã khách hàng
      "name": string, // Tên khách hàng
      "gender": Boolean?, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
```

```
"birthDate": date?, // Ngày sinh khách hàng
"contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
"address": string, // Địa chỉ khách hàng
"locationName": string, // Khu vực
"email": string, // Email của khách hàng
"organization": string, // Công ty
"comment": string, // Ghi chú
"taxCode": string, // Mã số thuế
"debt": decimal, // Nợ hiện tại
"totalInvoiced": decimal?, // Tổng bán
"totalPoint": double?, // Tổng điểm
"totalRevenue": decimal?,
"retailerId": int, // Id của hàng
"modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
"createdDate": datetime
}],
"removeId": int [] // danh sách Id khách hàng bị xóa dựa trên ModifiedDate
}
```

2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại thông tin chi tiết của khách hàng theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/customers/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://public.kiotapi.com/customers/code/{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của khách hàng

"code": string // Mã của khách hàng

Response:

```
{
  "id": long, // ID khách hàng
  "code": string, // Mã khách hàng
  "name": string, // Tên khách hàng
  "gender": Boolean?, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
  "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
  "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
  "address": string, // Địa chỉ khách hàng
  "locationName": string, // Khu vực
  "email": string, // Email của khách hàng
  "organization": string, // Công ty
  "comment": string, // Ghi chú
  "taxCode": string, // Mã số thuế
  "retailerId": int, // Id cửa hàng
  "debt": decimal, // Nợ hiện tại
  "totalInvoiced": decimal?, // Tổng bán
  "totalPoint": double?, // Tổng điểm
  "totalRevenue": decimal?,
  "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
  "createdDate": datetime
  "groups": string // danh sách tên nhóm khách hàng
}
```

2.6.3. Thêm mới khách hàng

Mục đích sử dụng: Tạo mới khách hàng

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/customers>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object khách hàng:

```
{  
    "code": string, // Ma khách hàng  
    "name": string, // Tên khách hàng  
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)  
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng  
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng  
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng  
    "email": string, // Email của khách hàng  
    "comment": string, // Ghi chú  
    "groupIds": int[] // Danh sách Id nhóm khách hàng  
}
```

Response:

```
{  
    "id": long, // ID khách hàng (với id=-1 là bản ghi đầu tiên chứa  
    thông tin tổng quan)  
    "code": string, // Mã khách hàng  
    "name": string, // Tên khách hàng  
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
```

```
"birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
"contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
"address": string, // Địa chỉ khách hàng
"locationName": string, // Khu vực
"email": string, // Email của khách hàng
"organization": string, // Tên công ty của khách hàng (nếu là khách
hàng công ty)
"comment": string, // Ghi chú
"taxCode": string, // Mã số thuế
"retailerId": int, // Id của hàng
"modifiedDate": datetime?, // Thời gian cập nhật
"createdDate": datetime
"customerGroupDetails": [
    {
        "id": long // Id Chi tiết nhóm khách hàng
        "customerId": long // Id khách hàng
        "groupId": int // Id nhóm khách hàng
    }
],
}
```

2.6.4. Cập nhật khách hàng

Mục đích sử dụng: Cập nhật thông tin khách hàng theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/customers/Id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID khách hàng qua 1 object JSON.

"id": long // ID khách hàng

Body


```
{  
  
    "code": string, // Mã khách hàng  
  
    "name": string, // Tên khách hàng  
  
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)  
  
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng  
  
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng  
  
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng  
  
    "email": string, // Email của khách hàng  
  
    "comment": string, // Ghi chú  
  
    "groupIds": int[] // Danh sách Id nhóm khách hàng  
  
}
```

Response:

```
{  
  
    "id": long, // ID khách hàng (với id=-1 là bản ghi đầu tiên chứa  
thông tin tổng quan)  
  
    "code": string, // Mã khách hàng  
  
    "name": string, // Tên khách hàng  
  
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)  
  
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng  
  
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng  
  
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng  
  
    "locationName": string, // Khu vực  
  
    "email": string, // Email của khách hàng  
  
    "organization": string, // Tên công ty của khách hàng (nếu là khách  
hàng công ty)  
  
    "comment": string, // Ghi chú  
  
    "taxCode": string, // Mã số thuế
```

```
"retailerId": int, // Id của hàng
"modifiedDate": datetime?, // Thời gian cập nhật
"createdDate": datetime,
"groups": string, // danh sách tên nhóm
}
```

2.6.5. Xóa khách hàng

Mục đích sử dụng: Xóa khách hàng theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/customers/{id}>

Request: Gồm Id của khách hàng trong URL:

"id": long // ID của khách hàng

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
  "message": "Xóa dữ liệu thành công"
}
```

2.7. Lấy danh sách chi nhánh

Mục đích sử dụng: Trả lại danh sách toàn bộ chi nhánh của cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/branches>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật

"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

"currentItem": int?,

"orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc,

"includeRemovedIds": boolean, //Có lấy thông tin danh sách Id bị xoá dựa trên lastModifiedFrom

Response:

```
{
  "removedIds": int [], // chỉ nhánh ngừng hoạt động
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [
    {
      "id": int, // Id chi nhánh
      "branchName": string,
      "branchCode": string,
      "contactNumber": string,
      "retailerId": int, // Id của hàng
      "email": string,
      "address": string,
      "modifiedDate": datetime?
      "createdDate": datetime
    }
  ],
  "timestamp": datetime
}
```

2.8. Lấy danh sách người dùng

Mục đích sử dụng: Trả lại danh sách toàn bộ người dùng của cửa hàng đã được xác nhận và không cho thấy thông tin Super Admin (isAdmin = true).

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/users>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật

"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

"currentItem": int?,

"orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc,

"includeRemoveIds": boolean //Có lấy thông tin danh sách Id bị xóa dựa trên lastModifiedFrom

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [
    {
      "id": long, // ID người dùng
      "userName": string, // Tên đăng nhập
      "givenName": string, // Họ tên
      "address": string, // Địa chỉ
      "mobilePhone": string // Điện thoại
      "email": string, // Email
      "description": string, // ghi chú
      "retailerId": int, // Id của hàng
      "birthDate": date // Ngày sinh
      "createdDate": datetime
    }
  ],
  "removeIds": int [] // danh sách khách hàng bị xóa và ngừng hoạt động dựa
  trên ModifiedDate
```

```
}
```

2.9. Lấy danh sách tài khoản ngân hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại toàn bộ danh sách tài khoản ngân hàng của cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/BankAccounts>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int?,

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

“orderDirection”: string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc,

“includeRemovelds”: boolean, //Có lấy thông tin danh sách Id bị xóa dựa trên lastModifiedFrom

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [
    {
      "id": int, // ID tài khoản ngân hàng
      "bankName": string, // Tên tài khoản ngân hàng
      "accountNumber": string, // Số tài khoản ngân hàng
      "description": string, // ghi chú
      "retailerId": int, // Id của hàng
      "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật,
```

```
    "createdDate": datetime
  }],
  "removeIds": int [] // danh sách khách hàng bị xóa dựa trên ModifiedDate
}
```

2.10. Lấy danh sách thu khác

Mục đích sử dụng: Trả lại toàn bộ danh sách thu khác của cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/surcharges>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"branchId": int?, // Id chi nhánh

"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật

"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

"currentItem": int?,

"orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc,

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [
    {
      "id": long, // Id thu khác
      "surchargeCode": string, // Mã thu khác
      "surchargeName": string, // Tên thu khác
    }
  ]
}
```

```
    "valueRatio": double, // Phần trăm thu khác  
    "value": decimal? // Giá trị thu khác  
    "retailerId": int, // Id của hàng  
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật  
    "createDate": datetime  
  }]  
}
```

Chú ý: Hiện tại KiotViet hỗ trợ các thiết lập cho tính năng thu khác như sau:

Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Hỗ trợ các khoản thu khác khi bán hàng”, khi gọi các API danh sách thu khác, API sẽ trả lại thông báo exception “Chưa bật thu khác trong thiết lập của hàng”.

2.11. Webhook

Webhook là mô hình một public API chủ động gọi vào một server của bên thứ ba khi có thay đổi xảy ra. Nó tương đương với mô hình data push (trái ngược với polling), trong đó server chủ động gọi cho client thay vì client phải thường xuyên kiểm tra server.

API Webhook được mô tả chi tiết như bên dưới:

2.11.1. Đăng ký Webhook

Mục đích sử dụng: Đăng ký webhook

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/webhooks>

Request:

```
{  
  "Webhook": {  
    "Type": string, // Loại webhook  
    "Url": string, // Địa chỉ đăng ký (thêm "?noecho" sau link địa  
    chỉ đăng ký)  
    "IsActive": Boolean, // Trạng thái hoạt động
```

```
        "Description": string // Mô tả
    }
}
```

Response:

```
{
    "id": long, // webhook id
    "type": string, //Loại webhook
    "url": string, // Địa chỉ đăng ký
    "isActive": Boolean, // Trạng thái hoạt động
    "description": string, // Mô tả
    "retailerId": int, // Id của hàng
}
```

2.11.2. Hủy đăng ký Webhook

Mục đích sử dụng: Hủy đăng ký Webhook

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/webhooks/{id}>

Request: Request sẽ bao gồm Id của webhook trong URL:

```
"id": int // ID của Webhook
```

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
    "message": "Hủy đăng ký webhook thành công"
}
```

2.11.3. Khách hàng

customer.update


```
{
  "Id": string,
  "Attempt": int,
  "Notifications": [{
    "Action": string,
    "Data": [{
      "Id": long,
      "Code": string,
      "Name": string,
      "Gender": bool?,
      "BirthDate": Datetime?,
      "ContactNumber": string,
      "Address": string,
      "LocationName": string,
      "Email": string,
      "ModifiedDate": DateTime,
      "Type": byte?,
      "Organization": string,
      "TaxCode": string,
      "Comments": string
    }]
  }]
}
```

customer.delete

```
{"RemoveId": int []}
```

2.11.4. Hàng hóa

product.update

```
{
  "Id": string,
  "Attempt": int,
  "Notifications": [{
    "Action": string,
    "Data": [{
      "Id": long,
      "Code": string,
      "Name": string,
      "FullName": string,
      "CategoryId": int,
      "CategoryName": string,
      "masterProductId" : long?,
      "AllowsSale": bool,
      "HasVariants": bool,
      "BasePrice": Decimal,
      "Weight": double?,
      "Unit": string,
      "MasterUnitId": long?,
      "ConversionValue": double,
      "ModifiedDate": DateTime?,
      "Attributes": [{
        "ProductId": long,
        "AttributeName": string,
        "AttributeValue" : string
```

```
    }],  
    "Units": [{  
        "Id": long,  
        "Code": string,  
        "Name": string,  
        "FullName": string,  
        "Unit": string,  
        "ConversionValue": double,  
        "BasePrice": Decimal  
    }],  
    "Inventories": [{  
        "ProductId": long,  
        "ProductCode": string,  
        "ProductName": string,  
        "BranchId": int,  
        "BranchName": string,  
        "Cost": Decimal,  
        "OnHand": double,  
        "Reserved": double  
    }],  
    "PriceBooks": [{  
        "ProductId": long,  
        "PriceBookId": long,  
        "PriceBookName": string,  
        "Price" : Decimal,  
        "IsActive": bool,  
        "StartDate": DateTime?,
```

```
        "EndDate": DateTime?
    }],
    "Images": [{"Image": string}]
}]]
}
```

product.delete

```
{"RemoveId": int []}
```

2.11.5. Tồn kho

stock.update

```
{
    "Id": string,
    "Attempt": int,
    "Notifications": [{
        "Action": string,
        "Data": [{
            "ProductId": long,
            "ProductCode": string,
            "ProductName": string,
            "BranchId": int,
            "BranchName": string,
            "Cost": Decimal,
```

```
        "OnHand": double,  
        "Reserved": double  
    }]  
}  
}
```

2.11.6. Đặt hàng

order.update

```
{  
    "Id": string,  
    "Attempt": int,  
    "Notifications": [{  
        "Action": string,  
        "Data": [{  
            "Id": long,  
            "Code": string,  
            "PurchaseDate": DateTime,  
            "BranchId": int,  
            "SoldById": long?,  
            "SoldByName": string,  
            "CustomerId": long?,  
            "CustomerCode": string,  
            "CustomerName": string,  
            "Total": Decimal,  
            "TotalPayment": Decimal,  
            "Discount": Decimal?,  
            "DiscountRatio": double?  
        }]  
    }]  
}
```

```
        "Status" : int,
        "StatusValue": string,
        "Description": string,
        "UsingCod": bool
        "ModifiedDate": Datetime?
        "OrderDetails":[{
            "ProductId": long,
            "ProductCode": string,
            "ProductName": string,
            "Quantity": double,
            "Price": Decimal,
            "Discount": Decimal?,
            "DiscountRatio": double?
        }]
    }]
}
```

2.11.7. Hóa đơn

invoice.update

```
{
    "Id": string,
    "Attempt": int,
    "Notifications":[{
        "Action": string,
        "Data": [{
            "Id": long,
```

```
"Code": string,
"PurchaseDate": DateTime,
"BranchId": int,
"BranchName": string,
"SoldById": long,
"SoldByName": string,
"CustomerId": long?,
"CustomerCode": string,
"CustomerName": string,
"Total": Decimal,
"TotalPayment": Decimal,
"Discount": Decimal?,
"DiscountRatio": double?,
"Status": byte,
"StatusValue": string,
"Description": string,
"UsingCod": bool,
"ModifiedDate": DateTime?,
"InvoiceDelivery": {
    "DeliveryCode": string,
    "Type": byte?,
    "Price": Decimal?,
    "Receiver": string,
    "ContactNumber": string,
    "Address": string,
    "LocationId": int?,
    "LocationName": string,
```

```
string,

        "Weight": double?,
        "Length": double?,
        "Width": double?,
        "Height": double?,
        "PartnerDeliveryId": long?,
        "PartnerDelivery": {
            "Code": string,
            "Name": string,
            "ContactNumber":

            "Address": string,
            "Email": string
        }
    },
    "InvoiceDetails": [{
        "ProductId": long,
        "ProductCode": string,
        "ProductName": string,
        "Quantity": double,
        "Price": Decimal,
        "Discount": Decimal?,
        "DiscountRatio": double?
    }],
    "Payments": [{
        "Id": long,
        "Code": string,
        "Amount": Decimal,
        "AccountId": int?,
```



```
        "BankAccount": string,  
        "Description": string,  
        "Method": string,  
        "Status": byte?,  
        "StatusValue": string,  
        "TransDate": DateTime  
    }]  
  
}]
```

2.12. Hóa đơn

Hiện tại KiotViet hỗ trợ các thiết lập cho tính năng hóa đơn như sau:

- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Cho phép bán hàng khi hết tồn kho”, thì POST/PUT các API liên quan đến việc bán các sản phẩm đã hết tồn kho, trả lại thông báo “Thiết lập “Cho phép bán hàng khi hết tồn kho” đang không được bật”
- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Sử dụng tính năng giao hàng”, các giao dịch liên quan tới giao hàng sẽ không hiển thị trên kiotviet nữa. Vì vậy khi gọi các API liên quan tới phần giao hàng , cần trả lại thông báo “Thiết lập “Sử dụng tính năng giao hàng” đang không được bật”.
- ❖ Trong trường hợp người dùng tích chọn setting “Sử dụng tính năng giao hàng” nhưng không tích chọn setting cho “Quản lý thu hộ tiền”, các giao dịch liên quan tới thu hộ tiền sẽ không hiển thị trên kiotviet nữa. Vì vậy khi gọi các API liên quan tới phần thu hộ tiền , cần trả lại thông báo “Thiết lập “Quản lý thu hộ tiền” đang không được bật”.
- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Không cho phép thay đổi thời gian bán hàng”, khi Post/ Put các API liên quan thời gian bán hàng , trả lại thông báo “Thiết lập “Không cho phép thay đổi thời gian bán hàng” đang không được bật”.

Mô tả chi tiết cho các API hỗ trợ Hóa đơn như sau:

2.12.1. Lấy danh sách hóa đơn

Mục đích sử dụng: Trả về danh sách hóa đơn theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/invoices>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“branchIds”: int[], optional // ID chi nhánh

“customerIds”: long[], optional // Id khách hàng

“customerCode”: string //Mã khách hàng

“status”: int[], optional // Tình trạng đặt hàng

“includePayment”: Boolean, // có lấy thông tin thanh toán

“includeOrderDelivery”: Boolean,

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int,

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“toDate”: datetime? //Thời gian cập nhật cho đến thời điểm toDate

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“orderDirection”: string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

“orderId”: long?, // Lọc danh sách hóa đơn theo Id của đơn đặt hàng

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [{
```

```
"id": long //Id đặt hàng
"code": string //Mã đặt hàng
"purchaseDate": datetime // Ngày đặt hàng
"branchId": int, //Id chi nhánh
"branchName": string, //Tên chi nhánh
"soldById": long?,
"soldByName": string
"customerId": long?, // Id khách hàng
"customerCode": string, Mã khách hàng
"customerName": string, // Tên khách hàng
"total": decimal, // Khách cần trả
"totalPayment": decimal, //Khách đã trả
"status": int, // trạng thái hóa đơn
"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
"usingCod": boolean,
"createdDate": datetime, //Ngày tạo
"modifiedDate": datetime, //Ngày cập nhật
"payments" :[{
    "id": long,
    "code": string,
    "amount": decimal,
    "method": string",
    "status": byte?,
    "statusValue": string,
    "transDate": datetime,
    "bankAccount": string,
    "accountId": int?
```

```
    }],  
    "invoiceOrderSurcharges": [      {  
        "id": long,  
        "invoiceId": long?,  
        "surchargeId": long?,  
        "surchargeName": string,  
        "surValue": decimal?,  
        "price": decimal?,  
        "createdDate": DateTime  
    }  
],  
    "invoiceDetails" :{  
        "productId": long, // Id hàng hóa  
        "productCode": string,  
        "productName": string, //Tên hàng hóa  
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)  
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa  
        "price": decimal, //Giá trị  
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm  
theo %  
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo  
tiền  
    },  
    "invoiceDelivery":{  
        "deliveryCode": string,  
        "type": byte?,  
        "price": Decimal?,  
        "receiver": string,
```

```
        "contactNumber": string,  
        "address": string,  
        "locationId": int?,  
        "locationName": string,  
        "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền  
        "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ  
        "weight": double?,  
        "length": double?,  
        "width": double?,  
        "height": double?,  
        "partnerDeliveryId": long?,  
        "partnerDelivery": {  
            "code": string,  
            "name": string,  
            "address": string,  
            "contactNumber": string,  
            "email": string  
        }  
    }  
}  
}]  
}
```

2.12.2. Lấy chi tiết hóa đơn

Mục đích sử dụng: Trả về thông tin chi tiết của hóa đơn theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://public.kiotapi.com/invoices/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://public.kiotapi.com/invoices/code/{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của hóa đơn

"code": string // Mã của hóa đơn

Response:

```
{  
  
  "id": long //Id hóa đơn  
  
  "code": string //Mã hóa đơn  
  
  "purchaseDate": datetime // Ngày hóa đơn  
  
  "branchId": int, //Id chi nhánh  
  
  "branchName": string, //Tên chi nhánh  
  
  "soldById": long?,  
  
  "soldByName": string  
  
  "customerId": long?, // Id khách hàng  
  
  "customerCode": string, //Mã khách hàng  
  
  "customerName": string, // Tên khách hàng  
  
  "total": decimal, // Khách cần trả  
  
  "totalPayment": decimal, //Khách đã trả  
  
  "status": int, // trạng thái đơn hóa đơn  
  
  "statusValue": string, // trạng thái đơn hóa đơn bằng chữ  
  
  "description": string, // ghi chú  
  
  "usingCod": boolean,  
  
  "createdDate": datetime, //Ngày tạo  
  
  "modifiedDate": datetime, //Ngày cập nhật  
  
  "payments" :[{  
  
    "id": long,  
  
    "code": string,  
  
    "amount": decimal,
```

```

        "method": string,
        "status": byte?,
        "statusValue": string,
        "transDate": datetime,
        "bankAccount": string,
        "accountId": int?
    }],
    "invoiceOrderSurcharges": [
        {
            "id": long,
            "invoiceId": long?,
            "surchargeId": long?,
            "surchargeName": string,
            "surValue": decimal?,
            "price": decimal?,
            "createdDate": DateTime
        }
    ],
    "invoiceDetails" :{
        "productId": long, // Id hàng hóa
        "productCode": string,
        "productName": string, //Tên hàng hóa
                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)
        "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
        "price": decimal, //Giá trị
        "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm
theo %
        "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền

```

```
    },  
    "invoiceDelivery": {  
        "deliveryCode": string,  
        "type": byte?,  
        "price": Decimal?,  
        "receiver": string,  
        "contactNumber": string,  
        "address": string,  
        "locationId": int?,  
        "locationName": string,  
        "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền  
        "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ  
        "weight": double?,  
        "length": double?,  
        "width": double?,  
        "height": double?,  
        "partnerDeliveryId": long?,  
        "partnerDelivery": {  
            "code": string,  
            "name": string,  
            "address": string,  
            "contactNumber": string,  
            "email": string  
        }  
    }  
}
```


2.12.3. Thêm mới hóa đơn

Mục đích sử dụng: Tạo mới hóa đơn

Phương thức và URL: POST <https://public.kiotapi.com/invoices>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object hóa đơn:

```
{
  "branchId": int,
  "purchaseDate": datetime,
  "customerId": long?,
  "discount": decimal?,
  "totalPayment": decimal,
  "method": string,
  "accountId": int?,
  "status": byte,
  "usingCod": bool,
  "soldById": long,
  "orderId": long?,
  "invoiceDetails": [{
    "productId": long,
    "productCode": string,
    "productName": string,
    "quantity": double,
    "price": decimal,
    "discount": decimal?,
    "discountRatio": decimal?
  }],
  "deliveryDetail": {
    "deliveryCode": string,
```

```
        "type": byte?,
        "price": Decimal?,
        "receiver": string,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "locationId": int,
        "locationName": string,
        "weight": double,
        "length": double,
        "width": double,
        "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
        "height": double,
        "partnerDeliveryId": long?,
        "partnerDelivery":{
            "code": string,
            "name": string,
            "address": string,
            "contactNumber": string,
            "email": string
        }
    }
}
```

Response:

```
{
    "id": long,
    "code": string,
```

```
"purchaseDate": datetime,

"branchId": int,

"branchName": string,

"soldById": long?,

"soldByName": string,

"customerId": long?,

"customerName": string,

"total": decimal, // Khách cần trả

"totalPayment": decimal, //Khách đã trả

"discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %

"discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền

"method": string, // Phương thức thanh toán (Cash, Card, Transfer)

"status": int, // trạng thái đơn đặt hàng

"statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ

"description": string, // ghi chú

"usingCod": boolean,

"invoiceDetails" :{

    "productId": long, // Id hàng hóa

    "productName": string, //Tên hàng hóa

                                (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)

    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa

    "price": decimal, //Giá trị

    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm

theo %

    "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo

tiền

},

"deliveryDetail":{
```

```
        "deliveryCode": string,
        "type": byte?,
        "price": Decimal?,
        "receiver": string,
        "contactNumber": string,
        "address": string,
        "locationId": int?,
        "locationName": string,
        "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
        "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ
    "weight": double?,
    "length": double?,
    "width": double?,
    "height": double?,
    "partnerDeliveryId": long?,
    "partnerDelivery":{
        "code": string,
        "name": string,
        "address": string,
        "contactNumber": string,
        "email": string
    }
}
}
```

2.12.4. Cập nhật hóa đơn

Mục đích sử dụng: Cập nhật hóa đơn theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://public.kiotapi.com/invoices/Id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID hóa đơn qua 1 object JSON.

"id": long // ID hóa đơn

Body

```
{
  "purchaseDate": datetime
  "status": byte,
  "soldById": long,
  "codPaymentMethod": string, //Phương thức thanh toán thu hộ (Cash,
Tranfer),
  "codPaymentAccount": int?, //Id tài khoản ngân hàng nếu thanh toán
chuyển khoản, thẻ ngân hàng
  "deliveryDetail":{
    "deliveryCode": string,
    "type": byte?,
    "price": Decimal?,
    "receiver": string,
    "contactNumber": string,
    "address": string,
    "locationId": int,
    "locationName": string,
    "weight": double,
    "length": double,
    "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
    "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ
    "width": double,
    "height": double,
    "partnerDeliveryId": long?,
    "partnerDelivery":{
```

```
        "code": string,  
        "name": string,  
        "address": string,  
        "contactNumber": string,  
        "email": string  
    }  
}  
}
```

Response:

```
{  
    "id": long,  
    "code": string,  
    "purchaseDate": datetime,  
    "branchId": int,  
    "branchName": string  
    "soldById": long?,  
    "soldByName": string,  
    "customerId": long?,  
    "customerName": string,  
    "total": decimal, // Khách cần trả  
    "totalPayment": decimal, //Khách đã trả  
    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên đơn theo %  
    "discount": decimal?, // Giảm giá trên đơn theo tiền  
    "method": string, // Phương thức thanh toán (Cash, Card, Transfer)  
    "status": int, // trạng thái đơn đặt hàng  
    "statusValue": string, // trạng thái đơn đặt hàng bằng chữ
```

```
"description": string, // ghi chú
"usingCod": boolean,
"invoiceDetails" :{
    "productId": long, // Id hàng hóa
    "productName": string, //Tên hàng hóa
                        (bao gồm thuộc tính và đơn vị tính)
    "quantity": double, // Số lượng hàng hóa
    "price": decimal, //Giá trị
    "discountRatio": double?, // Giảm giá trên sản phẩm
theo %
    "discount": decimal?, // Giảm giá trên sản phẩm theo
tiền
},
"deliveryDetail":{
    "deliveryCode": string,
    "type": byte?,
    "price": Decimal?,
    "receiver": string,
    "contactNumber": string,
    "address": string,
    "locationId": int?,
    "locationName": string,
    "usingPriceCod": bool, //Thu hộ tiền
    "priceCodPayment": decimal, //Số tiền thu hộ
    "weight": double?,
    "length": double?,
    "width": double?,
    "height": double?,
```

```
    "partnerDeliveryId": long?,
    "partnerDelivery": {
        "code": string,
        "name": string,
        "address": string,
        "contactNumber": string,
        "email": string
    }
}
```

2.12.5. Xóa hóa đơn

Mục đích sử dụng: Xóa hóa đơn theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://public.kiotapi.com/invoices/{id}>

Request: Gồm Id của hóa đơn trong URL:

"id": long // ID của hóa đơn

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
    "message": "Xóa dữ liệu thành công"
}
```

2.13. Nhóm khách hàng

2.13.1. Lấy danh sách nhóm khách hàng

Mục đích sử dụng: lấy danh sách nhóm khách hàng

Phương thức và URL: GET <https://public.kiotapi.com/customers/group>

Response:

```
{
  "total": int // Tổng danh sách nhóm
  "data": [
    {
      "id": int // Id nhóm khách hàng
      "name": string // Tên nhóm khách hàng,
      "description": string // Ghi chú,
      "createdDate": DateTime // Ngày tạo,
      "createdBy": long // Id người tạo,
      "retailerId": int // Id chi nhánh,
      "discount": decimal? // Giảm giá,
      "customerGroupDetails": [
        {
          "id": long // Id Chi tiết nhóm khách hàng
          "customerId": long // Id khách hàng
          "groupId": int // Id nhóm khách hàng
        }
      ]
    }
  ]
}
```